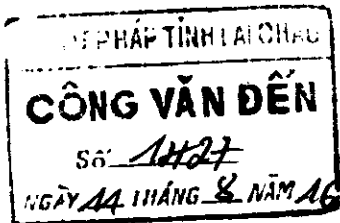


Số: **36** /2016/NQ-HĐND

Lai Châu, ngày **28** tháng 7 năm 2016

NGHỊ QUYẾT

Quy định mức thu học phí đối với các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Lai Châu từ năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 - 2021



**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH LAI CHÂU
KHOÁ XIV, KỲ HỌP THỨ HAI**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2005 và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục ngày 25 tháng 11 năm 2009;

Căn cứ Luật Giáo dục nghề nghiệp ngày 27 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015 - 2016 đến năm học 2020 - 2021;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 09/2016/TTLT-BGDĐT-BTC-BLĐTBXH ngày 30 tháng 3 năm 2016 của liên Bộ: Giáo dục và Đào tạo - Tài chính - Lao động Thương binh và Xã hội về việc hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ;

Xét Tờ trình số 1256/TTr-UBND ngày 07 tháng 7 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị ban hành Nghị quyết quy định mức thu học phí đối với các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Lai Châu từ năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 - 2021; Báo cáo thẩm tra số 224/BC-HĐND ngày 21 tháng 7 năm 2016 của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quy định mức thu học phí đối với các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh từ năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 - 2021, như sau:

1. Phạm vi điều chỉnh

Các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh từ năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 - 2021.

2. Đối tượng áp dụng

Trẻ em học mầm non, học sinh, sinh viên đang theo học tại các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh (trừ các đối tượng được miễn, không phải đóng học phí).

3. Mức thu học phí

3.1. Đối với giáo dục mầm non và phổ thông:

a) Mức thu học phí đối với giáo dục mầm non và phổ thông năm học 2016 - 2017:

ĐVT: 1.000 đồng/tháng/học sinh

STT	Phân theo khu vực đăng ký hộ khẩu trẻ em, học sinh	Mức học phí theo từng cấp học			Thời gian thu
		Mầm non	THCS	THPT	
1	Trẻ em, học sinh thuộc các xã, phường, thị trấn thuộc khu vực I	25	30	35	Thu 9 tháng/năm học
2	Trẻ em, học sinh các xã, thị trấn thuộc khu vực II	15	18	25	
3	Trẻ em, học sinh các xã thuộc khu vực III	8	12	15	

b) Điều chỉnh mức thu học phí

Mức thu học phí đối với các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh được giữ ổn định từ năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 - 2021. Trong trường hợp xét thấy cần thiết phải điều chỉnh mức thu học phí thì Ủy ban nhân dân tỉnh thống nhất với Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh để điều chỉnh cho phù hợp với tình hình thực tế và báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp gần nhất.

3.2. Đối với trung cấp chuyên nghiệp, cao đẳng và giáo dục nghề nghiệp:

ĐVT: 1.000 đồng/tháng/sinh viên

NHÓM, NGÀNH NGHỀ	Năm học 2016-2017		Năm học 2017-2018		Năm học 2018-2019		Năm học 2019-2020		Năm học 2020-2021		Thời gian thu
	TC	CD	TC	CD	TC	CD	TC	CD	TC	CD	
1. Khoa học xã hội, kinh tế, luật; nông, lâm, thủy sản	329	378	364	413	399	455	434	497	483	546	Thu 10 tháng/ năm học
2. Khoa học tự nhiên: kỹ thuật, công nghệ; thể dục thể thao, nghệ thuật: khách sạn, du lịch	385	441	427	490	469	539	518	595	574	658	
3. Y, Dược, Điều dưỡng	476	546	525	602	581	658	637	728	700	798	

Điều 2. Hội đồng nhân dân tỉnh giao

1. Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo tổ chức triển khai thực hiện.
2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu Khóa XIV Kỳ họp thứ hai thông qua ngày 28 tháng 7 năm 2016 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 9 năm 2016./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội, Văn Chính phủ;
- Các Bộ: Giáo dục và Đào tạo, Tài chính, Lao động Thương binh và Xã hội;
- Cục kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND, UBND, Ủy ban MTTQ tỉnh;
- Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Công báo tỉnh, Công thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Vũ Văn Hoàn

1000

1000